

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/DS-PT

Ngày: 15/4/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Hưng

Ông Lê Hồng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Yến Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Phước Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 127/2020/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2021/QĐ-PT ngày 20 tháng 2 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐPT-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Kim H., sinh năm 1978; Nơi cư trú: Số 33L2 Nguyễn Tất Thành, phường M., thành phố L, tỉnh An Giang (Có mặt - nhưng vắng mặt khi tuyên án)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Kim H.: Ông Lôi Văn Đ. là Luật sư Văn phòng Luật sư Hùng Đ. thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (Có mặt - nhưng vắng mặt khi tuyên án).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Hồng H1., sinh năm 1984 (Có mặt - nhưng vắng mặt khi tuyên án)

2.2. Ông Nguyễn Thanh T., sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Nơi đăng ký thường trú: Số 10 Dãy 5, khu tập thể trường Đại học A., tổ 9, khóm Đ1., phường Đ2, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Kim H..

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án:** Bà Trần Kim H. có tham gia 04 dây hội (tên trên sổ hội là Chị H.) do bà Nguyễn Thị Hồng H1. làm chủ. Cụ thể:

- Hội 2.000.000 đồng/tháng, mở hội ngày 10/9/2017, hội mãn ngày 10/4/2020. Bao gồm 32 hội viên. Bà H. tham gia 02 phần, đóng hội được 23 lần, đến tháng 8/2019 thì bà H1. tuyên bố vỡ hội. Tổng cộng số tiền bà H. đã đóng cho 02 phần hội là 92.000.000 đồng (Trong đó vốn 34.900.000 đồng, tiền lời 11.710.000 đồng).

- Hội 5.000.000 đồng/ tháng (02 phần) 26 hội viên, khai tháng 7/2018, đóng 13 lần, hội đã hết vào lần thứ 11, bà H. đóng hội đến lần thứ 13 (tháng 8/2019) thì vỡ hội. Bà H. còn nợ 13 kỳ hội chết là 65.000.000 đồng trong khi bà H1. nợ lại bà H. 13 kỳ hội chưa hết. Sau khi khấu trừ hai bên không còn nợ nhau phần hội này.

- Hội 3.000.000 đồng/tháng, mở hội ngày 20/9/2018, hội mãn ngày 20/9/2020. Bao gồm 25 hội viên, bà H. tham gia 02 phần, đóng hội được 11 lần, đến tháng 8/2019 thì bà H1. tuyên bố vỡ hội. Tổng cộng số tiền bà H. đã đóng là 66.000.000 đồng (trong đó vốn 23.955.000 đồng và tiền lời 9.045.000 đồng).

- Hội 3.000.000 đồng/tháng, hội mở ngày 15/02/2019, hội mãn ngày 15/8/2020. Bao gồm 19 hội viên, bà H. tham gia 01 phần. Bà H. đóng được 06 lần, đến tháng 8/2019 thì bà H1. tuyên bố vỡ hội. Tổng cộng số tiền bà H. đã đóng là 18.000.000 đồng (trong đó vốn 13.720.000 đồng và tiền lời 4.280.000 đồng).

Từ khi vỡ hội đến nay bà H1. chỉ trả được 63.240.000 đồng, còn nợ 112.760.000 đồng. Nay bà H. khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H1. và chồng là ông Nguyễn Thanh T. liên đới trách nhiệm trả cho bà số tiền 112.760.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H1. trình bày:** Trước đây bà có làm chủ nhiều dây hội nhưng đã xin ngưng hoạt động từ tháng 8/2019 do không thu được tiền hội chết của các hội viên đã hết trước đó. Đối với bà Trần Kim H., tổng số tiền vốn đã đóng là 176.255.000 đồng, chi tiết như sau:

- Hội 2.000.000 đồng/tháng, khai tháng 9/2017, gồm 32 phần, bà H. tham gia 02 phần, đã đóng được 23 lần, tổng cộng 68.480.000 đồng;

- Hội 3.000.000 đồng/tháng, khai tháng 9/2018, gồm 25 phần, bà H. tham gia 02 phần, đã đóng được 11 lần, tổng cộng 48.055.000 đồng;

- Hội 5.000.000 đồng/tháng, khai tháng 7/2018, gồm 26 phần, bà H. tham gia 02 phần, đã đóng được 13 lần. Bà H. đã hết hội vào lần thứ 11 và đã đóng hội đến lần thứ 13 (tháng 8/2019) thì vỡ hội. Bà H. còn nợ lại 13 kỳ hội chết là

65.000.000 đồng. Sau khi khấu trừ số tiền bà H. đã đóng 13 kỳ hội sống thì hai bên không còn nợ nhau phần hội này;

- Hội 3.000.000 đồng/tháng, khai tháng 02/2019, gồm 19 phần, bà H. tham gia 01 phần, đã đóng được 06 lần, tổng cộng 13.720.000 đồng;

Tổng số tiền còn nợ sau khi khấu trừ số tiền hội sống đã đóng với tiền hội chết chưa đóng là 111.255.000 đồng. Bà H. đã đồng ý cho bà H1. trả tiền vốn và bà đã trả được 63.240.000 đồng. Cụ thể: Tháng 9/2019 trả 34.240.000 đồng; Tháng 10/2019 trả 24.000.000 đồng; Ngày 30/9/2019 chuyển khoản 5.000.000 đồng. Hiện nay, bà H1. chỉ còn nợ lại 48.015.000 đồng và đồng ý tự mình trả cho bà H. nhưng yêu cầu được thỏa thuận thời gian, phương thức thanh toán trong giai đoạn thi hành án.

Bà H1. không đồng ý việc ông T. cùng chịu trách nhiệm trả nợ do ông T. không biết. Tuy nhiên khi bà tuyên bố vỡ hội, bà có nhờ ông T. chở đến nhà của các hội viên trong đó có bà H. để bà thương lượng phương thức thanh toán nợ hội. Số tiền chơi hội thu được, bà H1. dùng tiêu xài cá nhân, không phục vụ cho đời sống chung của gia đình.

*** Bị đơn ông Nguyễn Thanh T. trình bày:** Ông là chồng của bà H1.. Việc bà H1. và bà H. chơi hội với nhau ông không biết. Khi bà H1. bị vỡ hội, ông có cùng với bà H1. đến nhà các hội viên trong đó có bà H. để cho bà H1. thương lượng phương thức thanh toán. Ông T. không đồng ý cùng với bà H1. chịu trách nhiệm trả nợ do ông không tham gia việc tổ chức hội.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 127/2020/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố L tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim H.. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H1. và ông Nguyễn Thanh T. có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Kim H. số tiền hội còn nợ là 48.015.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Kim H. đối với số tiền 64.745.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/12/2020 bà Trần Kim H. có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Trần Kim H. trình bày: Vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở cấp sơ thẩm. Tuy nhiên đối với yêu cầu kháng cáo, bà có thay đổi, bổ sung thêm: Do trước đây bà yêu cầu vốn gốc cộng với lãi hội là vượt quá quy định pháp luật nên nay bà yêu cầu tính lãi trên số vốn gốc còn thiếu theo Nghị định số 19/2019 của Chính phủ, số tiền cụ thể sẽ do Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà trình bày.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H1.: yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Luật sư Lôi Văn Đ. trình bày:

Về số tiền vốn góp:

- Dây hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 10/9/2017, gồm 32 hụi viên, đã khai 23 lần, bà Hoàng tham gia 02 phần, đã đóng được $34.240.000 \text{ đồng} \times 2 = 68.480.000$ đồng.

- Dây hụi 5.000.000 đồng, khai tháng 7/2018, gồm 26 hụi viên: Hai bên đã thống nhất khấu trừ, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, không đặt ra xem xét.

- Dây hụi 3.000.000 đồng, khai ngày 20/9/2018, gồm 25 hụi viên, đã khai 11 lần, bà Hoàng tham gia 02 phần, đã đóng được $24.027.500 \text{ đồng} \times 2 = 48.550.000$ đồng.

- Dây hụi 3.000.000 đồng, khai ngày 15/02/2019, gồm 19 hụi viên, đã khai 06 lần, bà Hoàng tham gia 01 phần, đã đóng được 13.720.000 đồng.

Tổng cộng bà Hoàng đã góp vốn được $68.480.000 \text{ đồng} + 48.550.000 \text{ đồng} + 13.720.000 \text{ đồng} = 130.110.000 \text{ đồng}$. Sau khi khấu trừ số tiền bà H1, đã trả 63.240.000 đồng thì còn lại 66.870.000 đồng chứ không phải 48.150.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên.

Về tính lãi: Trong quá trình trình khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bà H1, và ông Tú liên đới trả số tiền 112.760.000 đồng là trong đó đã bao gồm tiền vốn góp cộng với tiền lãi hụi. Như vậy có thể khẳng định nguyên đơn đã có yêu cầu tính lãi chứ không phải không yêu cầu như án sơ thẩm đã nhận định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng lãi suất 10%/12 tháng với thời gian tính từ tháng 8/2019 (thời điểm tuyên bố vỡ hụi) đến nay được 20 tháng để tính như sau: $66.870.000 \text{ đồng} \times 10\%/12 \text{ tháng} \times 20 \text{ tháng} = 11.145.000 \text{ đồng}$.

Như vậy buộc bà H1, cùng ông Tú phải trả cho bà H. số tiền 78.015.000 đồng ($66.870.000 \text{ đồng} + 11.145.000 \text{ đồng}$).

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ tờ giấy có nội dung yêu cầu trả nợ không rõ ngày (B1: 32a) do bà H. ghi thì số tiền hụi gốc còn thiếu lại sau khi đã trả 63.240.000 đồng là 48.015.000 đồng. Án sơ thẩm đã tuyên buộc trả nợ số tiền 48.015.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ. Về yêu cầu tính lãi, theo đơn khởi kiện thì bà H. có yêu cầu tính lãi trong hụi đối với số tiền hụi đã góp. Tại phiên tòa hôm nay, bà H. chỉ yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền hụi đã góp còn thiếu lại là 10%/năm từ ngày tuyên bố vỡ hụi tháng 8/2019 đến ngày xét xử phúc thẩm là phù hợp với

quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn nên đề nghị chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Kim H.; sửa bản án sơ thẩm theo hướng tính lãi suất số tiền nợ gốc còn thiếu lại từ ngày tuyên bố vỡ hụi tháng 8/2019 đến ngày xét xử với lãi suất là 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Hồng H1. kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn ông Nguyễn Thanh T. vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[1.3] Về áp dụng pháp luật: Mặc dù các dây hụi trong vụ kiện đều mở hụi trước thời điểm Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biếu phượng có hiệu lực nhưng thời điểm vỡ hụi là tháng 8/2019 khi đó Nghị định này đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định về điều khoản chuyển tiếp, cấp sơ thẩm đã áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ để giải quyết vụ án là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Kim H.:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Trần Kim H. và bà Nguyễn Thị Hồng H1. thống nhất bà H. có tham gia chơi hụi do bà H1. làm chủ, hụi khai đến tháng 8/2019 thì bà H1. tuyên bố vỡ hụi nên bà H. khởi kiện để yêu cầu trả lại số tiền hụi đã góp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Thanh T. liên đới cùng bà Nguyễn Thị Hồng H1. trả số tiền nợ hụi: Hội đồng xét xử xét thấy, do vi phạm nghĩa vụ nên việc bà H. yêu cầu bà H1. trả nợ là có căn cứ. Về phần của ông T., ông không thừa nhận biết việc bà H1. làm chủ hụi, không thống nhất cùng bà H1. liên đới trả lại tiền nợ hụi. Tuy nhiên, căn cứ lời trình bày của bà H. và bà H1. thì bà H1. đã làm chủ hụi một thời gian dài trước khi vỡ hụi. Ngoài ra, theo lời trình bày của ông T., khi bà H1. tuyên bố vỡ hụi thì ông T. có chở bà H1. đến nhà các hụi viên để thương lượng thanh toán nợ hụi. Điều này chứng tỏ ông T. biết việc bà H1. làm chủ hụi. Nhận thấy, việc bà H1. tổ chức chơi hụi cũng vì mục đích nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, mặc dù bà H1. trình bày

sử dụng số tiền chơi hụi để tiêu xài cá nhân tuy nhiên ngoài lời trình bày này thì không có chứng cứ nào khác chứng minh. Do đó căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cấp sơ thẩm buộc ông T. có trách nhiệm liên đới với bà H1. trả số tiền nợ hụi là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[2.2.1] Đối với số tiền vốn thực góp trong các dây hụi, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này, bà Trần Kim H. đã đồng ý, thống nhất số tiền vốn hụi bà đã thực đóng trong 04 dây hụi sau khi căn trừ hụi chết 65.000.000 đồng còn lại là 111.255.000 đồng (bút lục 26) và bà H1. đã trả được 63.240.000 đồng (34.240.000 đồng + 24.055.000 đồng + 5.000.000 đồng) (bút lục 26 và 32a). Như vậy, số tiền vốn thực góp còn nợ lại là 48.015.000 đồng (111.255.000 đồng - 63.240.000 đồng), Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị Hồng H1. và ông Nguyễn Thanh T. có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Kim H. số tiền vốn thực góp còn nợ 48.015.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 16, Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ.

[2.2.2] Đối với yêu cầu tính lãi, nhận thấy: Mặc dù tại phiên tòa sơ thẩm bà H1, không yêu cầu tính lãi nhưng thực chất trong số tiền 112.760.000 đồng bà yêu cầu bị đơn trả đã bao gồm tiền vốn góp hụi cộng với tiền lãi hụi. Do đó, tại phiên tòa hôm nay, bà H. yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền vốn góp còn thiếu với lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận nhưng cần điều chỉnh thời điểm tính là kể từ ngày tuyên bố vỡ hụi (tháng 8/2019) đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể như sau:

Từ tháng 8/2019 (tức ngày 01/8/2019) đến ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 24/11/2020) là 482 ngày:

$$48.015.000đ \times (10\%/12\text{tháng}/30\text{ngày}) \times 482 \text{ ngày} = 6.428.675 \text{ đồng};$$

Tổng cộng vốn thực góp và lãi là: 48.015.000 đồng + 6.428.675 đồng = 54.443.675 đồng.

[2.2.3] Như vậy, buộc bà Nguyễn Thị Hồng H1. và ông Nguyễn Thanh T. có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Kim H. số tiền hụi còn nợ (vốn thực góp và lãi) là 54.443.675 đồng.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn của bà Trần Kim Hoàng. Sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Kim H. phải chịu án phí đối với số tiền 23.571.325 đồng không được Hội đồng xét xử chấp nhận; bà Nguyễn Thị Hồng H1. và ông Nguyễn Thanh T. bị buộc trả nợ cho bà Trần Kim H. nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Kim H. không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Kim H..

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 127/2020/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố L.

Áp dụng Điều 288, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 21 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, họ, biếu phường; Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 227, Điều 238, Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim H.. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H1. và ông Nguyễn Thanh T. có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Kim H. số tiền hui còn nợ là 54.443.675 đồng (năm mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Kim H. đối với số tiền 23.571.325 đồng.

3. Về án phí:

- Án dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Kim H. phải chịu 1.178.566 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 2.819.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004965 ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, bà H. được nhận lại 1.640.434 đồng (một triệu sáu trăm bốn mươi ngàn bốn trăm ba mươi bốn đồng)

Bà Nguyễn Thị Hồng H1. và ông Nguyễn Thanh T. phải chịu 2.722.184 đồng (hai triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn một trăm tám mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Kim H. không phải chịu án phí, được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 007884 ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện;
- THADS huyện;
- Phòng KTNV & THA;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Đường sự “Đề thi hành”;
- Lưu: HS; TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng